

Bản án số: 212/2026/HNGĐ-ST

Ngày 28 - 8 - 2026

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Thanh Xuân.
2. Bà Trần Thị Thùy Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Liếng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp.

Đại diện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông Lê Bình N – Kiểm sát viên.

Vào các ngày 10 và 28 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 331/2026/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2026, Về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 383/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2026, quyết định hoãn phiên tòa số: 411/2026/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Văn T, sinh năm 1973.

- Bị đơn: Nguyễn Thị Kim T1, sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Văn T trình bày:

Vào năm 1990 anh T và chị T1 cưới nhau, đến năm 2009 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T. Vợ chồng sống chung hạnh phúc thời gian đầu, sau đó giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và đã ly thân gần 2 năm nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể nào hàn gắn lại được nữa cho nên anh T yêu cầu:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim T1.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Lan P, sinh năm 1992 và Nguyễn Trọng H, sinh năm 1996 đều đã thành niên tự lao động sinh sống được, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị Kim T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham gia tố tụng cũng như không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng, đầy đủ theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, riêng bị đơn chị Nguyễn Thị Kim T1 đã được Tòa án tổng đạt các văn bản đúng quy định nhưng không tham gia tố tụng, nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị T1 là đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Kim T1 ly hôn; 02 con chung đã trưởng thành, không yêu cầu nên không giải quyết; không có tranh chấp về tài sản và nợ nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn khởi kiện ly hôn với bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã T nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn chị Nguyễn Thị Kim T1 được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T và chị T1.

Về nội dung:

[3] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Kim T1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã T, huyện T (cũ), tỉnh Đồng Tháp năm 2009. Do đó, hôn

nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Anh T yêu cầu ly hôn với chị T1. Trong quá trình giải quyết vụ án chị T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tại 02 lần phiên tòa sơ thẩm chị T1 cũng không có mặt. Hội đồng xét xử xét thấy: Bị đơn là chị T1 đã biết việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn (niêm yết và tổng đạt cho người thân cùng địa chỉ các văn bản tố tụng theo quy định), nhưng bị đơn không có ý kiến, không phản đối yêu cầu của nguyên đơn và không đến theo giấy triệu tập và văn bản của Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Việc khởi kiện yêu cầu ly hôn anh T trình bày vợ chồng đã bất đồng quan điểm và đã ly thân gần hai năm nay không hàn gắn tình cảm được, nay anh T thấy mục đích của hôn nhân không đạt được nên kiên quyết ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Trung Kiên Q ly hôn, chị T1 không có ý kiến gì về yêu cầu của anh T. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là anh Nguyễn Văn T theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Vợ chồng anh T và chị T1 có 02 con chung tên Nguyễn Thị Lan P, sinh năm 1992 và Nguyễn Trọng H, sinh năm 1996 đều đã thành niên tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và áp dụng Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, Anh Nguyễn Văn T là người khởi kiện phải chịu án phí về hôn nhân là 300.000 đồng. chị Nguyễn Thị Kim T1 không phải chịu án phí.

[8] Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 9, 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Kim T1 được ly hôn.

2. Về con chung: Vợ chồng anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Kim T1 có 02 con chung tên Nguyễn Thị Lan P, sinh năm 1992 và Nguyễn Trọng H, sinh

năm 1996 đều đã thành niên tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0009821 ngày 10-6-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng. Anh Nguyễn Văn T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Kim T1 không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 12 – Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 - tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thùy Dung